TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:12/2026/HNGĐ-ST
Ngày 06/02/2026
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - GIA LAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phùng Thị Tố Trinh
2. Ông Chu Sỹ Lin

-*Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 134/2025/TLST – HNGĐ, ngày 30 tháng 10 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Nhất V, sinh năm 1997

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường L - Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

-*Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1998

Nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố E, xã P, tỉnh Gia Lai.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố A, xã P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2025, biên bản lấy lời khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Trần Nhất V trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Nhất V và chị Nguyễn Thị N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định

pháp luật tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (cũ) vào ngày 28/11/2022. Cuộc sống chung không có hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm sống cũng như cách nuôi dạy con cái và kinh tế gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Từ tháng 4/2023 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay, không còn tình cảm gì với nhau nữa. Do đó, anh V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Nguyễn Thị N theo quy định của pháp luật.

-*Về con chung*: Anh Trần Nhất V và chị Nguyễn Thị N có 01 con chung là Trần Vũ Tố U, sinh ngày 29/12/2022. Từ ngày vợ chồng ly thân thì con chung do chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng. Vì con còn nhỏ nên anh V tiếp tục giao con chung cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng.

-*Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh Trần Nhất V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng.

-*Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng chị Nguyễn Thị N từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng không có mặt. Do đó chị Nguyễn Thị N không có bản tự khai hay trình bày ý kiến gì trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa.

3. Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án; đương sự cũng có thái độ chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật tố tụng.

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm: Áp dụng Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của BLTTDS; các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh Trần Nhất V được ly hôn với chị Nguyễn Thị N trước pháp luật.

- *Về con:* Anh Trần Nhất V và chị Nguyễn Thị N có 01 con chung là Trần Vũ Tố U, sinh ngày 29/12/2022.

Nguyện vọng của anh V là giao con cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với sự phát triển của con chưa thành niên nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh Trần Nhất V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng.

-*Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Không yêu cầu.

-*Về án phí* : Căn cứ khoản 4, Điều 147 BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Trần Nhất V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có nơi cư trú tại xã P, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân khu vực 12 – Gia Lai thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo Điều 35 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị N, như thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị N không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Ở giai đoạn xét xử vụ án, Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ nhưng chị N vắng mặt lần thứ 2 không có lý do và anh V vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. HĐXX chỉ căn cứ vào kết quả của việc xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để quyết định. Các đương sự phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Anh Trần Nhất V và chị Nguyễn Thị N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và về chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (cũ) vào ngày 28/11/2022. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không cùng chung chí hướng xây dựng hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Ngày 03/11/2025, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của các đương sự thì được biết cuộc sống chung của anh Trần Nhất V và chị Nguyễn Thị N xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại thì chị N cùng với con đã chuyển về nhà mẹ đẻ của chị N (tổ dân phố A, xã P) để sinh sống. Bản thân chị N thường đi làm ăn xa và để lại con cho mẹ đẻ là Nguyễn Thị T chăm sóc. Quá trình cháu Trần Vũ Tố U sinh sống cùng mẹ và bà ngoại tại nơi cư trú thì nhận thấy cháu được chăm sóc, đối xử tử tế, gia đình bà T sống tại địa phương có lối sống lành mạnh, không mâu thuẫn hay xích mích với hàng xóm xung quanh.

Từ lời khai của các đương sự, tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được cho thấy tình trạng hôn nhân của anh Trần Nhất V và chị Nguyễn Thị N đã mâu thuẫn mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau và không cùng chí hướng xây dựng hạnh phúc gia đình nên yêu cầu ly hôn của anh Trần Nhất V là chính đáng và có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Nhất V, xử cho anh Trần Nhất V được ly hôn với chị Nguyễn Thị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh Trần Nhất V và chị Nguyễn Thị N có 01 con chung là Trần Vũ Tố U, sinh ngày 29/12/2022.

Nguyện vọng của anh V là giao con chung cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Đây là sự tự nguyện của đương sự phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng và sự phát triển của con chưa thành niên nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Nhất V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu.

[7] Về án phí: Anh Trần Nhất V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, khoản 1 Điều 28, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 35 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025); điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần Nhất V được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

- *Về con:* Giao con chung Trần Vũ Tố U, sinh ngày 29/12/2022 cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh Trần Nhất V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/con/tháng, kể từ tháng 02/2026 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mà không có khả năng lao động và không có tài sản để tự mình. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt khi có một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn các bên được quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu các bên lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

- *Về tài sản và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Không yêu cầu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

-*Về án phí:* Anh Trần Nhất V phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0004079 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Anh Trần Nhất V đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Trần Nhất V phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Phòng KTNV TAND T.Gia Lai;
- VKSND khu vực 12;
- THADS T.Gia Lai;
- UBND TT L(cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Dung